

THUYẾT MINH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Dự thảo Điều lệ mới này được lập dựa trên quy định của:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa XIV Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực ngày 01/01/2021;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực ngày 01/01/2021;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.

Theo đó, Dự thảo Điều lệ mới này tập trung điều chỉnh các nội dung sau đây:

- 1) Cập nhật các thay đổi của pháp luật liên quan đến Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán;
- 2) Thay đổi cấu trúc, thứ tự các điều khoản trong Điều lệ để phù hợp với cấu trúc mới của Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC;
- 3) Lược bỏ các quy định không còn phù hợp hoặc không thể áp dụng với Công ty;

Cụ thể:

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi	Giải trình lý do
1	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ:</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p style="padding-left: 40px;">a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</p> <p style="padding-left: 40px;">f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 6 Luật chứng khoán;</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ:</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p style="padding-left: 40px;">a) "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã được ghi trong Điều Lệ Công ty.</p> <p style="padding-left: 40px;">f) "Người quản lý Công ty" bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p style="padding-left: 40px;">g) "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;</p>	<p>- Cập nhật các thông tin về Luật hiện hành;</p> <p>- Bổ sung một số thuật ngữ thường xuyên sử dụng trong Điều lệ ;</p> <p>- Sửa đổi khái niệm một số thuật ngữ sát nghĩa với quy định trong Luật hiện hành;</p> <p>- Thay đổi cấu trúc, thứ tự các điểm cho logic</p> <p>Bổ sung theo điểm k, khoản 1 Điều 1 - Phụ Lục I của TT 116/2020</p>

	<p>KHÔNG CÓ</p> <p>KHÔNG CÓ</p> <p>h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;</p> <p>k. "Quyền chi phối của Công ty" là quyền của Công ty với tư cách là Công ty nắm giữ cổ phần chi phối, góp vốn chi phối tại Công ty khác hoặc nắm giữ bí quyết công nghệ, thương hiệu, thị trường, có quyền quyết định đối với Điều lệ, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý chủ chốt của công ty đó.</p> <p>o. "Công ty tự nguyện tham gia liên kết với Công ty" là Doanh nghiệp không có cổ phần, vốn góp của Công ty nhưng tự nguyện tham gia làm thành viên của Công ty, chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ với Công ty theo Hợp đồng liên kết hoặc theo thoả thuận giữa Công ty đó với Công ty.</p> <p>p. "Đơn vị trực thuộc" là các đơn vị phụ thuộc Công ty, có tư cách pháp nhân không đầy đủ.</p> <p>KHÔNG CÓ</p>	<p>g) "<u>Cổ đông</u>" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.</p> <p>h) "<u>Cổ đông sáng lập</u>" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần</p> <p>j) "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và <u>có thể được thay đổi</u> nếu được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng Nghị quyết;</p> <p>m) "Quyền chi phối của Công ty" là quyền của Công ty <u>Me</u> với tư cách là Công ty nắm giữ cổ phần chi phối, góp vốn chi phối tại Công ty <u>con</u> hoặc nắm giữ bí quyết công nghệ, thương hiệu, thị trường của Công ty con, quyết định đối với Điều lệ, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý chủ chốt của Công ty con đó.</p> <p>LƯỢC BỎ</p> <p>r) "Đơn vị trực thuộc" <u>bao gồm: các Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh và Công ty con.</u></p> <p>s) "<u>Đơn vị phụ thuộc: là các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty, có tư cách pháp nhân không đầy đủ, bao gồm: các Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh</u></p>	<p>- Bổ sung theo điểm 1, khoản 1 Điều 1 - Phụ Lục I của TT 116/2020</p> <p>- Sửa đổi theo điểm n khoản 1 Điều 1 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>- Giải thích thuật ngữ rõ nghĩa hơn</p> <p>- Bổ sung, sửa đổi theo Điều 44 Luật DN 2020</p>
2	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Tên Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tên giao dịch viết tắt: VPID <p>2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Tên Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tên giao dịch viết tắt: VPID-<u>JSC</u> 	<p>- Bổ sung "Địa điểm kinh doanh" theo Điều 2 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>- Bổ sung theo đúng tên viết tắt trong GCN ĐKDN đã được cấp</p>

	<p>phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> Website: http://www.vpid.vn; <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 64 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 65 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>	<p>2. Hình thức Công ty: là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> Website: http://www.vpid.vn; http://www.vpid.com.vn <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 59 Luật Doanh nghiệp, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>	<p>- Bổ sung thêm tên miền đã đăng ký</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung theo khoản 5 Điều 2 - Phụ lục I của TT 116/2020 (Chỉ khi thời hạn hoạt động là hữu hạn thì mới có nội dung gia hạn).</p>
3	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>KHÔNG CÓ</p> <p>KHÔNG CÓ</p> <p>KHÔNG CÓ</p>	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <ol style="list-style-type: none"> <u>Công ty chỉ có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty theo Quyết định của HĐQT tại từng thời điểm.</u> <u>Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</u> <u>Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật:</u> <ol style="list-style-type: none"> <u>Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;</u> <u>Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</u> <u>Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật</u> 	<p>- Bổ sung theo khoản 2 Điều 12 Luật DN 2020</p> <p>- Bổ sung theo khoản 1 Điều 12 Luật DN 2020</p> <p>- Bổ sung nội dung theo Điều 13 Luật DN</p>

	<p>1. Tổng giám đốc. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt nam; Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên ba mươi (30) ngày thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty. - Trường hợp hết thời hạn uỷ quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có uỷ quyền khác thì người được uỷ quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được uỷ quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty - Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thực hiện nhiệm vụ của mình với trách nhiệm được quy định cụ thể tại Điều 13 Luật doanh nghiệp. 	<p><u>này.</u></p> <p>4. <u>Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này.</u></p> <p>5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt nam; Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên ba mươi (30) ngày thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>6. Trường hợp hết thời hạn uỷ quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có uỷ quyền khác thì người được uỷ quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được uỷ quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>7. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thực hiện nhiệm vụ của mình với trách nhiệm được quy định cụ thể tại Điều 13 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>- Trong Điều lệ cũ: Đây là nội dung quy định về Người đại diện theo PL, chứ không phải là quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo PL</p>
4	<p>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</p> <p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty: Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh trong tất cả các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm và phù hợp với định hướng phát triển</p>	<p>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, <u>TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA TẠI CÔNG TY</u></p> <p>Điều 4. <u>Ngành nghề kinh doanh</u>, mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty: <u>Ngành nghề kinh doanh của Công ty được quy định cụ thể tại Phụ lục 1 đính kèm Điều lệ này. Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Điều lệ này. Tùy từng thời điểm,</u></p>	<p>- Bổ sung theo Luật Đầu tư 2020 và Luật DN 2020</p> <p>- Sửa đổi nội dung ngành nghề kinh doanh, vì: + ND ngành nghề kinh doanh là bắt buộc phải có trong Điều lệ –</p>

	<p>của Công ty.</p> <p>2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng các nguồn lực như vốn, công nghệ, con người một cách hiệu quả trong việc phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh, nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, phát triển Công ty và đóng thuế cho Nhà nước.</p>	<p><u>theo mục tiêu hoạt động của Công ty mà Phụ lục này có thể được bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp, theo đúng quy định của Pháp luật.</u></p> <p>2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: <u>Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm: (1) tối đa hóa lợi ích và nâng cao giá trị của Công ty trong sự hài hòa lợi ích của các Cổ đông; (2) không ngừng nâng cao đời sống, thu nhập và môi trường làm việc của người lao động; và (3) đảm bảo lợi ích của các bên liên quan khác nhằm hướng đến việc phát triển bền vững và có trách nhiệm.</u></p>	<p>theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Luật DN 2020. + ND trong Điều lệ cũ: không phải là ngành nghề kinh doanh, mà là phạm vi kinh doanh - Sửa đổi mục tiêu hoạt động: nêu rõ 03 mục tiêu hoạt động một cách rõ ràng</p>
5	<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>KHÔNG CÓ</p>	<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động, <u>tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa</u></p> <p>1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này. <u>Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.</u></p> <p><u>2. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 30% vốn điều lệ.</u></p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Điều 8 Luật DN 2020 và Điều 5- Phụ lục I của TT 116/2020</p> <p>Bổ sung tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa</p>
6	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>KHÔNG CÓ</p>	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>4. <u>Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật doanh nghiệp. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật doanh nghiệp. Mỗi giấy chứng nhận sở hữu cổ phần ghi danh chỉ đại diện cho</u></p>	<p>Bổ sung cụ thể nội dung của giấy chứng nhận cổ phiếu</p>

		<u>một loại cổ phần.</u>	
7	Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.	Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (<u>trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự</u>) được phát hành có <u>dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.</u>	- Sửa đổi, bổ sung theo Điều 8 - Phụ lục I của TT116/2020
8	Điều 11. Mô hình quản trị Công ty Mô hình quản trị Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Tổng giám đốc.	Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và Kiểm soát <u>Cơ cấu tổ chức quản lý</u> Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị, <u>Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT;</u> 3. Tổng giám đốc.	- Sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Điều 137 Luật DN2020 và Điều 11 – Phụ lục I của TT116
9	Điều 12. Quyền của cổ đông 2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành; d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05 % tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong	Điều 12. Quyền của cổ đông 2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. <u>Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.</u> c) Tự do chuyển nhượng cổ phần <u>của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 và khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.</u> d) Được ưu tiên mua <u>cổ phần</u> mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ <u>thông của từng cổ đông trong Công ty</u> BỎ 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05 % tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: b) Yêu cầu <u>Hội đồng quản trị</u> triệu tập họp Đại hội đồng cổ	- Sửa đổi theo điểm a khoản 1 Điều 115 Luật DN 2020 và điểm a khoản 1 Điều 12 - Phụ lục I của TT 116/2020 - Sửa đổi theo điểm d khoản 1 Điều 115 Luật DN 2020 và và điểm d khoản 1 Điều 12 - Phụ lục I của TT 116/2020 - Sửa đổi theo điểm c khoản 1 Điều 115 Luật DN 2020 và và điểm c khoản 1 Điều 12 - Phụ lục I của TT 116/2020 - Luật DN 2020 đã bỏ nội dung này

	<p>trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p>	<p>đồng <u>theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung và lược bớt nội dung theo điểm b khoản 2 Điều 115 Luật DN 2020 và điểm a khoản 2 Điều 12 - Phụ lục I của TT 116/2020</p>
10	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. ... 2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: <ol style="list-style-type: none"> a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; <p>KHÔNG CÓ</p> <p>KHÔNG CÓ</p> 3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định. KHÔNG CÓ 	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. ... 2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: <ol style="list-style-type: none"> a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho <u>các cá nhân, tổ chức</u> khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; e) <u>Gửi phiếu biểu quyết bằng hình thức khác theo quy định trong Điều Lê Công ty.</u> 3. <u>Chấp hành Nghị quyết, quyết định của ĐH ĐCĐ, HĐQT.</u> 4. Thanh toán <u>đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.</u> 5. <u>Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới các hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông</u> 	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 119 Luật DN 2020 và Điều 13 -Phụ lục I của TT 116/2020</p>

	KHÔNG CÓ	<p><u>đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại khác xảy ra.</u></p> <p><u>9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</u></p>	
11	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Ngoài Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể họp Đại hội đồng cổ đông bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p>	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông <u>gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết</u>, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Ngoài Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể họp Đại hội đồng cổ đông bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp cần thiết nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</u></p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu <u>ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối Công ty phải mời đại diện <u>tổ chức</u> kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên <u>và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty</u> để giải thích các nội</u></p>	<p>- Bổ sung theo Điều 138 Luật DN 2020 và khoản 1 Điều 14 - Phụ lục I của TT 116/2020</p> <p>- Bổ sung theo Điều 139 Luật DN 2020 và khoản 1 Điều 14 - Phụ lục I của TT 116/2020</p>

	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p>	<p>dung liên quan.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>b) <u>Bảng cân đối kế toán hàng năm</u>, Báo cáo tài chính quý, bán niên hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 14 - Phụ lục I của TT 116/2020</p>
12	<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p>	<p>Điều 15. Quyền và <u>nghĩa vụ</u> của Đại hội đồng cổ đông</p> <p><u>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:</u></p> <p>a) <u>Thông qua định hướng phát triển của công ty;</u></p> <p>b) <u>Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>c) <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.;</u></p> <p>d) <u>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản của Công ty hoặc các đơn vị trực thuộc có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của công ty;</u></p> <p>e) <u>Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</u></p> <p>f) <u>Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</u></p> <p>g) <u>Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</u></p> <p>h) <u>Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;</u></p> <p>i) <u>Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;</u></p> <p>j) <u>Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;</u></p> <p>k) <u>Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;</u></p> <p>l) <u>Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định</u></p>	<p>Sửa đổi toàn bộ nội dung theo quy định tại Điều 138 Luật DN 2020 và Điều 15 – Phụ lục I của TT 116/2020</p>

<p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;</p> <p>l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;</p> <p>n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp</p>	<p><u>công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</u></p> <p>m) <u>Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của công ty</u></p> <p>n) <u>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u></p> <p><u>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</u></p> <p>a) <u>Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</u></p> <p>b) <u>Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</u></p> <p>c) <u>Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</u></p> <p>d) <u>Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</u></p> <p>e) <u>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;</u></p> <p>f) <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;</u></p> <p>g) <u>Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;</u></p> <p>h) <u>Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</u></p> <p>i) <u>Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</u></p> <p>j) <u>Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</u></p> <p>k) <u>Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</u></p> <p>l) <u>Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</u></p> <p>m) <u>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần</u></p>	
--	---	--

	<p>việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><u>nhất đã được kiểm toán của Công ty;</u></p> <p>n) <u>Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</u></p> <p>o) <u>Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Công ty;</u></p> <p>p) <u>Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</u></p> <p>q) <u>Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</u></p> <p>r) <u>Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy cheeskhacs của Công ty.</u></p> <p><u>3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	
13	<p>Điều 16. Đại diện được ủy quyền</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p>	<p>Điều 16. Ủy quyền <u>tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</u></p> <p>1. Cổ đông, <u>người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp</u> tham dự cuộc họp hoặc có thể ủy quyền cho <u>một hoặc một số</u> cá nhân, tổ chức <u>khác dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp</u>. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền <u>được cử</u> thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. <u>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</u></p> <p>2. Việc ủy quyền cho <u>cá nhân, tổ chức đại diện dự họp</u> Đại hội đồng cổ đông <u>theo quy định tại khoản 1 Điều này</u> phải lập thành văn bản <u>văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự</u> và phải có <u>các nội dung quy định</u> sau đây:</p>	<p>- Sửa đổi tiêu đề theo Điều 16 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Điều 144 Luật DN 2020 và khoản 1 Điều 16 - Phụ lục I của TT 116/2020</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 144 Luật DN 2020 và khoản 2 Điều 16 - Phụ lục I của TT 116/2020</p>

	<p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>BỔ</p> <p>3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p>	
14	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết qua.</p> <p>Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được</p>	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông <u>đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u></p> <p>2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 6 Điều 149 Luật Dn 2020 và khoản 1 Điều 17 – Phụ lục I của TT116/2020</p>

	<p>ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>	<p>ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>	
15	<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p>KHÔNG CÓ</p>	<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <u>thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này</u></p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. <u>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.</u> Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p><u>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</u></p>	<p>- Sửa đổi theo khoản 1 Điều 140 Luật DN 2020 và khoản 1 Điều 18 - Phụ lục I của TT 116/2020</p> <p>- Sửa đổi theo khoản 1 Điều 141 LDN 2020 và khoản 2 Điều 18 - Phụ lục I của TT 116/2020</p> <p>- Bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 142 Luật DN 2020 và khoản 6 Điều 18 - Phụ lục I của TT 116/2020</p>
16	<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc</p>	<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại <u>cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi</p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung theo Điều 146 Luật DN và Điều 20 - Phụ lục I của TT116/2020</p>

<p>đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo</p>	<p>các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký <u>hết theo trình tự sau:</u></p> <p>a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông/đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>b) Cổ đông, <u>người</u> đại diện được ủy quyền <u>của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham dự và biểu quyết ngay tại đại hội.</u> Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p><u>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:</u></p> <p>a) Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ</p>	<p>Trình tự đăng ký theo quy định tại khoản 1 Điều 20 – Phụ lục I của TT116</p> <p>- Sửa đổi theo điểm b khoản 1 Điều 20 - Phụ lục I của TT116/2020</p>
---	---	---

	<p>nguyên tắc đa số. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc.</p> <p>6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p>	<p>đồng điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p><u>b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a) khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</u></p> <p><u>c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</u></p> <p><u>d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</u></p> <p>3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. <u>Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</u></p> <p>4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p> <p><u>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p><u>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.</u></p> <p><u>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</u></p> <p><u>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</u></p> <p><u>6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc</u></p>	<p>- Bổ sung theo khoản 2 Điều 146 Luật DN và khoản 2 Điều 20 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>- Bổ sung theo khoản 3 Điều 146 Luật DN và khoản 3 Điều 20 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>- Bổ sung theo khoản 4 Điều 146 Luật DN 2020 và khoản 4 Điều 20 - Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>Bổ sung theo khoản 6 Điều 146 Luật DN 2020 và khoản 5, 6 – Phụ lục I của TT116/2020</p>
--	---	--	--

	<p>8.</p> <p>KHÔNG CÓ</p> <p>9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:</p> <ol style="list-style-type: none"> Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. 	<p><u>họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</u></p> <p>7.</p> <p>8.</p> <p>9. <u>Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</u></p> <p>10. <u>Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</u></p> <p>BỎ</p>	<p>Bổ sung theo khoản 9 Điều 146 Luật DN 2020 và khoản 9 Điều 20 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>Bổ sung theo khoản 10 Điều 20 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>LƯỢC BỎ vì trong khoản 4 Điều 20 Điều lệ sửa đổi đã có nội dung này</p>
--	---	--	--

	<p>10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.</p> <p>12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p>	<p>BỔ</p> <p>BỔ</p> <p>BỔ</p>	<p>LƯỢC BỔ vì đã bổ sung, sửa đổi toàn bộ nội dung này tại Điều 14 của Điều lệ sửa đổi</p>
17	<p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 50 % trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p>	<p>Điều 21. <u>Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua</u></p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 50 % trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Sửa đổi tiêu đề theo Điều 148 Luật DN 2020 và Điều 21 – Phụ Lục I của TT116/2020</p>

	<p>c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.</p> <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; Tổ chức lại giải thể Công ty; việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>LƯỢC BỎ</p> <p><u>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan nội dung sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp trừ trường hợp quy định tại các khoản 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</u></p> <p>a) <u>Sửa đổi bổ sung điều lệ</u></p> <p>b) <u>Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</u></p> <p>c) <u>Tổ chức lại, giải thể Công ty</u></p> <p>d) <u>Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</u></p> <p>e) <u>Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</u></p> <p>f) <u>Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Công ty;</u></p> <p>g) <u>Vấn đề khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.</u></p>	<p>Phụ Lục I của TT116/2020 không có nội dung này</p> <p>Bổ sung theo khoản 1 Điều 148 Luật DN 2020 và khoản 1 Điều 21 – Phụ Lục I của TT116/2020</p>
18	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài</p>	<p>Điều 22 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, <u>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Khoản 1 Điều 149 Luật DN 2020 và khoản 1 Điều 22 – Phụ lục I của TT116/2020</p>

	<p>liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>.....</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</p> <p>a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của 1 thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>e. Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p>	<p>thảo nghị quyết <u>và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất</u> mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>.....</p> <p>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức sau đây</p> <p>a) Gửi thư: <u>phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</u> Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của 1 thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc của cổ đông <u>không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.</u> Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>e) Các vấn đề đã được thông qua <u>và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</u></p> <p>f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 149 Luật DN 2020 và khoản 2 Điều 22 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>Sửa đổi theo điểm g, khoản 3 Điều 149 Luật DN 2020 và điểm g khoản 3 Điều 22 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung theo khoản 4 Điều 149 Luật DN 2020 và khoản 4 Điều 22 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung theo khoản 4 Điều 149 Luật DN 2020 và khoản 5 Điều 22 – Phụ lục I của TT116/2020</p>
19	Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 1.	Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 1.	

	<p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p> <p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>KHÔNG CÓ</p> <p>KHÔNG CÓ</p>	<p><u>i) Ho, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</u></p> <p>LƯỢC BỎ</p> <p>LƯỢC BỎ</p> <p>LƯỢC BỎ</p> <p><u>3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</u></p> <p><u>4. Nghi quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u></p>	<p>Bổ sung theo điểm i, khoản 1, Điều 150 Luật DN 2020 và điểm i, khoản 1 Điều 23 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>Bổ sung theo Điều 23 – Phụ lục I của TT116/2020</p>
--	---	--	---

20	<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ <u>Nghị quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <u>khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ <u>Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. 	<p>- Sửa đổi theo Điều 151 Luật DN 2020 và Điều 24 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>- Sửa đổi theo Điều 151 Luật DN và Điều 24 – Phụ lục I của TT16</p> <p>Lược bỏ bớt theo khoản 2 Điều 24 của TT116/2020</p>
21	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.... 3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản 	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị ... 3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định <u>tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động</u> 	<p>- Theo Luật DN 2020 không yêu cầu nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục 06 tháng</p> <p>Bổ sung theo khoản 3 Điều 25 – Phụ lục I của TT116/2020</p>

	<p>trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p>	<p><u>của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</u></p>	
22	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị KHÔNG CÓ</p> <p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>3. <u>Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</u></p> <p>4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: a) <u>Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</u> b) <u>Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:</u> i. <u>Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên;</u> ii. <u>Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</u> iii. <u>Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.</u> 5. <u>Thành viên Hội đồng quản trị phải có ít nhất các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</u> a) <u>Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp.</u> b) <u>Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ</u></p>	<p>Bổ sung theo khoản 3 Điều 154 Luật DN 2020 và khoản 2 Điều 26- Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>Bổ sung theo khoản 3 Điều 26 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>Bổ sung theo khoản 4 Điều 26 – Phụ lục I của TT116/2020</p>

	<p>3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>3.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật doanh nghiệp;</p> <p>b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>3.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị khi không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p>	<p><u>trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;</u></p> <p><u>c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác.</u></p> <p><u>d) Không được từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của một Công ty bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng.</u></p> <p><u>e) Đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các yêu cầu tại Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.</u></p> <p><u>6. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật doanh nghiệp:</u></p> <p>6.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 5 Điều này và Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p><u>b) Có đơn từ chức và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;</u></p> <p><u>c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không có năng lực hành vi;</u></p> <p>6.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p><u>b) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Công ty.</u></p>	<p>Bổ sung theo Điều 155 Luật DN 2020</p> <p>Bổ sung theo khoản 1 Điều 160 Luật DN</p> <p>Bổ sung theo khoản 2 Điều 160 Luật DN</p>
23	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải	

<p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;</p> <p>d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;</p> <p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</p> <p>f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</p> <p>h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;</p>	<p>chịu sự <u>quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện</u> của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) <u>Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</u></p> <p>b) <u>Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</u></p> <p>c) <u>Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</u></p> <p>d) <u>Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</u></p> <p>e) <u>Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>f) <u>Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</u></p> <p>g) <u>Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</u></p> <p>h) <u>Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>i) <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác do công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những</u></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Điều 153 Luật DN 2020 và khoản 1 Điều 27 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>Sửa đổi, bổ sung, sắp xếp thay đổi cấu trúc, thứ tự các điểm cho logic đúng thứ tự theo khoản 2 Điều 153 Luật DN 2020 và khoản 2 Điều 27 – Phụ lục I của TT116/2020.</p> <p>Tạo thuận tiện cho quá trình kiểm tra để sửa đổi, bổ sung sau này khi Luật thay đổi</p> <p>Bỏ nghĩa vụ điểm o) “Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc” vì: Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, và sau khi hoàn thành việc bổ nhiệm, HĐQT có nghĩa vụ báo cáo kết quả cho ĐHCĐ và công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Do đó không cần quy định cụ thể về vấn đề này trong thẩm quyền của HĐQT</p>
--	--	--

<p>i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;</p> <p>k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;</p> <p>l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</p> <p>m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p> <p>n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</p>	<p><u>người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</u></p> <p><u>j) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</u></p> <p><u>k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</u></p> <p><u>l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</u></p> <p><u>m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</u></p> <p><u>o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</u></p> <p><u>p) Chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</u></p> <p><u>q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;</u></p> <p><u>r) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước.</u></p>	<p>LƯỢC BỎ do đã nằm trong nội dung quyền và nghĩa vụ của HĐQT</p>
--	--	--

	<p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty; b. Thành lập các công ty con của Công ty; c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3, 4 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty; d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty; e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty; f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 05% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm; g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài; h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ; i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười 	<p>s) <u>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều Lệ Công ty.</u></p> <p>BỔ</p>	
--	---	---	--

	<p>hai (12) tháng;</p> <p>j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p> <p>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Báo cáo của Hội đồng quản trị có thể bao gồm nội dung thẩm định của Tiểu ban Kiểm toán. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của <u>Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Chứng Khoán.</u></p> <p>BỎ</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo khoản 3 Điều 27 – Phụ lục I của TT16</p> <p>LƯỠC BỎ vì theo đó trong Điều lệ sửa đổi không nêu tức là được phép, do đó không cần thiết nêu ra</p>
24	<p>Điều 29. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p><u>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc.</u></p> <p><u>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</u></p> <p>a) <u>Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</u></p> <p>b) <u>Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</u></p> <p>c) <u>Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</u></p> <p>d) <u>Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết</u></p>	<p>Bổ sung theo khoản 2 Điều 156 Luật DN 2020, khoản 2 Điều 275 Nghị định 155/2020 và khoản 3 Điều 29 – Phụ lục I của TT16/2020</p>

	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các</p>	<p><u>định của Hội đồng quản trị;</u></p> <p>e) <u>Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>f) <u>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty</u></p> <p>4. <u>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</u></p> <p>5. <u>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhân thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>BỎ</u></p> <p><u>BỎ</u></p>	<p>Bổ sung theo Khoản 4 Điều 29 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>Bổ sung theo Khoản 4 Điều 156 Luật DN 2020 và khoản 5 Điều 29 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>LUỘC BỎ vì nghĩa vụ này là không đầy đủ</p>
--	---	---	---

	<p>họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</p> <p>b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;</p> <p>c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Các trường hợp khác (nếu có).</p> <p>KHÔNG CÓ</p>	<p>3. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp chậm nhất 07 (bảy) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một lần.</p> <p>4. <u>Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản, trình bày mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:</u></p> <p>a) <u>Ít nhất 2 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;</u></p> <p>b) <u>Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</u></p> <p>c) <u>Đa số thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</u></p> <p>BỔ</p> <p>5. <u>Đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</u></p>	<p>Bổ sung theo khoản 4 Điều 30 – Phụ lục I của TT116/2020</p>
26	<p>Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị thành lập Ủy ban kiểm toán; tiểu ban nghiên cứu đầu tư. Hội đồng quản trị có thể thành lập thêm tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho các Ủy ban/Tiểu ban quy định tại khoản 1 Điều này được quyền hành động và ra quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Trừ trường hợp Điều lệ này có quy định khác, thành viên của Ủy ban/Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên của Ủy ban/Tiểu</p>	<p>Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập <u>tiểu ban trực thuộc đề phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro nếu thấy cần thiết và vào thời điểm thích hợp. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</u></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 31 – Phụ lục I của TT116/2020</p>

<p>ban do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>4. Hoạt động của các Ủy ban/Tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của các Ủy ban/Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p> <p>5.</p> <p>6. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Ủy ban/Tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.</p> <p>7. Các quy định liên quan đến cơ cấu tổ chức, chức năng của Ủy ban kiểm toán :</p> <p>7.1 Vị trí, cơ cấu của Ủy ban kiểm toán: Là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.</p> <p>7.2 Thông qua quyết định của Ủy ban kiểm toán: Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều Lệ Công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán có quy định tỉ</p>	<p>2.....</p> <p>BỎ</p> <p>BỎ</p>	<p>LƯỢC BỎ vì sẽ đưa vào mục riêng ỦY BAN KIỂM TOÁN phía sau</p>
--	---	--

	<p>lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số các thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.</p> <p>7.3. Ủy ban kiểm toán có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty; b. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro; c. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông; d. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty; đ. Kiến nghị Công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với Công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt; e. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của Công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán; g. Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty. 		
27	<p>Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị chỉ định một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có</p>	<p>Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 32 – Phụ lục I của TT116/2020</p>

	<p>hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau: b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;</p>	<p>trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả..<u>Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp</u></p> <p>2. <u>Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</u></p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau: b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo <u>quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</u> h) <u>Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</u></p>	
28	<p>Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý KHÔNG CÓ</p>	<p>Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý 2. <u>Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một Nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.</u></p>	
29	<p>Điều 34. Người điều hành</p> <p>1. 2. KHÔNG CÓ</p>	<p>Điều 34. Người điều hành</p> <p>1. <u>Người điều hành Công ty bao gồm: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và chức danh quan trọng khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty.</u></p> <p>2. 3.</p> <p>4. <u>Tiền lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</u></p> <p>5. <u>HDQT sẽ quy định chi tiết việc miễn nhiệm, bãi nhiệm người</u></p>	<p>Bổ sung theo khoản 1 Điều 34 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>Bổ sung theo Điều 163 Luật DN 2020 và khoản 4 Điều 34 – Phụ lục I của TT116/2020</p>

	KHÔNG CÓ	<u>điều hành công ty tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty.</u>	
30	<p>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ</p>	<p>Điều 35. Tổng giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc.</p> <p>2. <u>Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</u></p> <p>3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định <u>tại khoản 5 Điều 162 Luật doanh nghiệp.</u></p> <p>4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) <u>Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các Hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.</u></p> <p>b) <u>Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; kế hoạch kinh doanh hàng năm và kế hoạch đầu tư của công ty đã được Hội đồng quản</u></p>	<p>Lược bỏ một số nội dung vì nội dung đó đã nêu ở Điều 39 của Điều lệ và các quy chế nội bộ đang áp dụng</p> <p>Bổ sung theo khoản 2 Điều 162 Luật DN 2020 và khoản 2 Điều 35 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>Sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 162 Luật DN 2020 và khoản 3 Điều 35 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 162 Luật DN 2020 và khoản 4 Điều 35 – Phụ lục I của TT116/2020; kết hợp sắp xếp lại cấu trúc</p>

<p>quản lý tốt nhất;</p> <p>c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;</p> <p>f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p>	<p><u>tri và Đại hội đồng cổ đông thông qua đạt hiệu quả tốt nhất</u></p> <p>c) <u>Kiến nghị số lượng và cán bộ quản lý Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và điều khoản khác của Hợp đồng lao động của cán bộ quản lý.</u></p> <p>d) <u>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</u></p> <p>e) <u>Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty (theo quy chế trả lương, trả thưởng đã được Hội đồng quản trị phê duyệt), kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</u></p> <p>f) <u>Tuyển dụng lao động; quyết định số lượng người lao động trong công ty;</u></p> <p>g) <u>Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</u></p> <p>h) <u>Phê duyệt thiết kế, dự toán chi tiết của từng hạng mục trong dự án (không vượt quá giá trị dự án đã được Hội đồng quản trị phê duyệt), hồ sơ mời thầu, kết quả trúng thầu (không vượt quá giá trị gói thầu, dự toán đã được Hội đồng quản trị phê duyệt) và các hoạt động khác trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng;</u></p> <p>i) <u>Quyết định việc mua sắm, thuê mua theo kế hoạch sản xuất kinh doanh và dự án đầu tư hàng năm đã được Hội đồng quản trị phê duyệt; quyết định việc mua sắm ngoài kế hoạch cần phải thực hiện ngay để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh (không vượt quá giá trị đã được Hội đồng quản trị phê duyệt) nhưng sau đó phải báo cáo Hội đồng quản trị;</u></p> <p>j) <u>Được ủy quyền cho cấp dưới và người khác thực hiện một hoặc một số công việc thuộc thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng quản trị về việc ủy</u></p>	
---	---	--

<p>g. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 8 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;</p> <p>h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p> <p>i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.</p> <p>4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.</p>	<p><u>quyền đó.</u></p> <p>k) <u>Được áp dụng các biện pháp cần thiết trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch hoa, hoả hoạn, sự cố) và phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</u></p> <p>l) <u>Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Hội đồng quản trị, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty.</u></p> <p>5. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 8 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;</p> <p>BỔ</p> <p>6. <u>Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng giám đốc là người điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ Công ty. Chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các</u></p>	<p>Bổ sung theo khoản 2 Điều 162 Luật DN 2020.</p>
---	--	--

	<p>5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.</p>	<p><u>ơ quan này khi được yêu cầu. Trường hợp điều hành trái với các quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty.</u></p> <p><u>7. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc Công ty: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc Công ty bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:</u></p> <p><u>a) Không đủ tiêu chuẩn, điều kiện làm Tổng giám đốc Công ty theo quy định.</u></p> <p><u>b) Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty.</u></p> <p><u>c) Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác.</u></p> <p><u>d) Có đơn xin từ chức.</u></p> <p><u>e) Không thực hiện đúng hoặc điều hành trái với các quy định về quyền hạn và trách nhiệm được quy định tại Điều Lê và quy định của pháp luật.</u></p> <p><u>f. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế Công ty.</u></p> <p><u>g. Và các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.</u></p>	
31	<p>Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>.....</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p>	<p>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>.....</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo <u>bằng văn bản</u> cho Hội đồng quản trị <u>các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc</u></p>	<p>Bổ sung, sửa đổi theo hướng dẫn tại Khoản 3 Điều 47 – Phụ lục I của TT116/2020</p>

	<p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p> <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p>	<p><u>Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</u></p> <p><u>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</u></p> <p><u>5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</u></p> <p>BỔ</p> <p>6. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến đối tượng này không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p>	
32	Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	

	<p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p>	<p>BỎ</p>	<p>LƯỢC BỎ vì nội dung này trùng lặp nội dung khoản 2 điều này</p>
<p>33</p>	<p>Điều 39. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	<p>Điều 44. Quyền <u>tra cứu</u> sổ sách và hồ sơ</p> <p>BỎ</p> <p><u>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</u></p> <p>a) <u>Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>b) <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản</u></p>	<p>LƯỢC BỎ theo hướng dẫn tại Điều 49 – Phụ lục I của TT 116/2020</p> <p>Bổ sung theo khoản 1 Điều 49 – Phụ lục I của TT116/2020</p>

	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p>	<p><u>tri, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</u></p> <p><u>2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</u></p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 2 Điều 49 – Phụ lục I của TT116/2020</p>
34	Điều 50. Phân phối lợi nhuận	Điều 55. Phân phối lợi nhuận	
35	<p>Điều 55. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p> <p>1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 61 Điều lệ này. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cùng với báo cáo kiểm toán phải được công bố chậm nhất mười (10) ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán độc lập ký báo cáo kiểm toán. Thời hạn công bố thông tin báo cáo tài chính năm không quá chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đồng thời đăng tải toàn văn báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm trên website công ty để nhà đầu tư tham khảo.</p> <p>Báo cáo tài chính năm được kiểm toán phải nộp cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp, cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan quản lý Nhà nước khác</p>	<p>Điều 60. Báo cáo tài chính năm, bán niên và hàng quý</p> <p><u>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</u></p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm <u>đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp</u>. Báo cáo tình hình tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố thông tin báo cáo tài chính <u>bán niên</u> đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định</p>	<p>Bổ sung theo khoản 1 Điều 55 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>Sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 55 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>Bổ sung theo khoản 3 Điều 55 – Phụ lục I của TT116/2020</p>

	<p>theo quy định của pháp luật</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố thông tin báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>	<p><u>pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</u></p> <p>BỎ</p> <p>BỎ</p> <p>BỎ</p> <p>BỎ</p>	
36	<p>Điều 57. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng</p> <p>KHÔNG CÓ</p>	<p>Điều 62. <u>Trách nhiệm về công bố thông tin</u></p> <p>1. <u>Công ty có trách nhiệm và nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin cho Cổ đông và nhà đầu tư.</u></p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Điều 109 và Điều 110 Luật DN 2020</p>

	1. 2.	2. 3.	
37	Điều 58. Kiểm toán 1. 2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình các báo cáo đó cho Hội đồng quản trị. Thời hạn lập báo cáo phải phù hợp với quy định pháp luật về công bố thông tin báo cáo tài chính sáu tháng, báo cáo tài chính năm nhưng không quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc quý II năm tài chính đối với báo cáo sáu tháng và không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính đối với báo cáo tài chính năm.	Điều 63. Kiểm toán 1. BỔ	LƯỢC BỔ theo Điều 57 – Phụ lục I của TT116/2020
38	Điều 59. Con dấu 1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty. 2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	Điều 64. Con dấu của Công ty 1. <u>Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</u> 2. <u>Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</u> 3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 43 Luật DN 2020 và Điều 58 – Phụ lục I của TT116/2020 (điểm mới: Luật DN 2020 đã bãi bỏ nội dung - trước khi sử dụng con dấu phải thông báo mẫu dấu trên Cổng thông tin đăng ký quốc gia về đăng ký DN)
38	Điều 59. Con dấu 1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty. 2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	Điều 59. Con dấu 1. <u>Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</u> 2. <u>Công ty có chính thức 01 con dấu.</u> 3. Hội đồng quản trị quyết định <u>loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</u> 4. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	Bổ sung theo khoản 1 Điều 43 Luật DN và khoản 1 Điều 58 – phụ lục I của TT16 Bổ sung theo khoản 2 Điều 43 Luật DN và khoản 2 Điều 58 – phụ lục I của TT16 Sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 43 Luật DN và khoản 2 Điều 58 – phụ lục I của TT16

39	Điều 60. Chấm dứt hoạt động	Điều 65. <u>Giải thể Công ty</u>	Sửa đổi tiêu đề của Điều này vì: - Đây là nội dung về giải thể theo quy định tại Điều 207 Luật DN 2020 và Điều 59 - Phụ lục I của TT116/2020 - Nếu là nội dung về chấm dứt hoạt động thì phải là nội dung theo quy định tại Điều 206 Luật DN 2020
40	Điều 61. Gia hạn hoạt động 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị. 2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.	BỎ	LƯỢC BỎ vì có nội dung gia hạn hoạt động khi thời hạn hoạt động là hữu hạn
41	Điều 64. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông. Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa để yêu cầu giải thể Công ty theo một hay một số các căn cứ sau: 1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.	BỎ	LƯỢC BỎ vì đã nằm trong nội dung các trường hợp giải thể

	<p>2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông</p>		
42	<p>Điều 65. Điều lệ công ty</p> <p>1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.</p> <p>2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.</p>	<p>Điều 68. <u>Bổ sung, sửa đổi Điều lệ công ty</u></p> <p>1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.</p> <p>2. <u>Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.</u></p>	Sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 63 – Phụ lục I của TT16
43	<p>Điều 66. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản Điều lệ này gồm 22 chương 67 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc nhất trí thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2020 tại Vĩnh Phúc và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 69. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản Điều lệ này gồm 23 mục 69 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm tại Vĩnh Phúc</p> <p>2. <u>Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế cho bản Điều lệ công ty đã ban hành ngày 15 tháng 01 năm 2021.</u></p> <p>3. <u>Điều lệ này được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u></p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	

